CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL
Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
12H1 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao, Q. 1,
Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số:167/BCKT-AAC *Đà Nẵng, ngày 04 tháng 03 năm 2009*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gởi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính được lập ngày 25/02/2009 của Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 4 đến trang 17. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán chủ yếu được trình bày tại mục số 4 của Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9, giá trị công trình Nhà máy Thủy điện Định Bình đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định hiện hành, hiện đang phản ánh theo giá tạm tính là 77.957.264.732 đồng, theo đó số khấu hao tạm tính cho tài sản cố định này là 4.411.521.155 đồng. Những giá trị này có thể thay đổi khi giá trị công trình được phê duyệt quyết toán chính thức.

Hạn chế trên đây chúng tôi không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế.

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng của vấn đề nêu trên thì các Báo cáo tài chính đã phản ảnh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

KT.Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Lê Khắc Minh
(Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0103/KTV)

Kiểm toán viên

Trần Thị Phương Lan
(Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0396/KTV)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**6.799.457.704**	**10.746.396.888**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**2.347.680.585**	**5.754.338.390**
1.	Tiền	111	5	2.347.680.585	5.754.338.390
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**			
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**4.407.717.403**	**2.970.458.474**
1.	Phải thu của khách hàng	131		3.566.867.722	-
2.	Trả trước cho người bán	132		739.122.408	2.941.358.474
5.	Các khoản phải thu khác	135	6	101.727.273	29.100.000
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**42.091.000**	-
1.	Hàng tồn kho	141	7	42.091.000	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**1.968.716**	**2.021.600.024**
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.875.484.424
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	8	1.968.716	146.115.600
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**74.764.394.797**	**62.229.904.100**
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**74.764.394.797**	**62.204.754.896**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	9	73.884.944.797	401.006.747
	- Nguyên giá	222		78.504.089.950	546.825.218
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.619.145.153)	(145.818.471)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	10	879.450.000	-
	- Nguyên giá	228		879.450.000	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	-	61.803.748.149
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		-	**25.149.204**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	12	-	25.149.204
3.	Tài sản dài hạn khác	268			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**81.563.852.501**	**72.976.300.988**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Ngày 31 tháng 12 năm 2008

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**14.699.860.690**	**32.976.300.988**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**2.269.065.223**	**4.545.505.521**
2.	Phải trả cho người bán	312		980.497.832	4.444.265.039
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	369.599.837	-
5.	Phải trả người lao động	315		23.197.000	94.040.482
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	895.770.554	7.200.000
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**12.430.795.467**	**28.430.795.467**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	15	12.430.795.467	28.430.795.467
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**66.863.991.811**	**40.000.000.000**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**66.376.495.526**	**40.000.000.000**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	64.150.000.000	40.000.000.000
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	2.226.495.526	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**487.496.285**	-
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		487.496.285	-
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**81.563.852.501**	**72.976.300.988**

Giám đốc

Trần Xuân Toàn

Kế toán trưởng

Trương Đình Du

Quy Nhơn, ngày 25 tháng 02 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Mẫu số B 02-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**17**	**20.114.281.883**	-
2.	Các khoản giảm trừ	02		-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	17	20.114.281.883	
4.	Giá vốn hàng bán	11	18	6.015.699.501	
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**14.098.582.382**	-
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	560.307.936	
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	20	2.577.449.965	
	Trong đó: Lãi vay	*23*		*2.577.449.965*	
8.	Chi phí bán hàng	24		-	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.860.448.542	
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**9.220.991.811**	-
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		-	-
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	**21**	**9.220.991.811**	-
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	21		
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**			
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**	**21**	**9.220.991.811**	-
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.614	

@ Năm 2007 Công ty còn đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa có doanh thu.

Giám đốc

Trần Xuân Toàn

Kế toán trưởng

Trương Đình Du

Quy Nhơn, ngày 25 tháng 02 năm 2009